

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 476/2022/DS-PT

Ngày: 05-12-2022

V/v tranh chấp nợ hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Phước Hội

***Các Thẩm phán:***

Ông Lê Hồng Nước

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 215/2022/TLPT- DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp nợ hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 357/2022/QĐPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 giữa:

***1. Nguyên đơn:*** Trần Văn U, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Ấp 5, xã Mỹ Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Trung H, sinh năm 1984 (theo văn bản ủy quyền ngày 02/12/2022); Địa chỉ: , thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

***2. Bị đơn:***

***2.1. Trần Thị Đ, sinh năm: 1963; (Có mặt)***

Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

***2.2. Mai Ngọc T, sinh năm: 1962. (Có mặt)***

Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Mỹ P, xã Phú Đ, huyện T, Đồng Tháp.

3. *Người kháng cáo:* Ông Mai Ngọc T là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### ***- Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:***

Từ năm 2012 đến năm 2017, anh U có thành lập một số tổ hùn vốn xoay vòng theo mùa, nhưng với hình thức chơi hụi.

Bà Đ là chị ruột của anh, ông T là chồng bà Đ (hiện đã ly hôn).

Bà Đ và ông T có tham gia một số dây hụi do anh U làm đầu thảo, các dây hụi bà Đ và ông T đều đã hốt nhưng không đăng hụi chết đầy đủ, nên anh U phải choàng hụi cho đến khi mãn hụi, cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hụi mùa, khai ngày 30/6/2014, có 19 thành viên tham gia, số tiền 5.000.000đồng/mùa, mỗi năm quy định 04 mùa. Bà Đ và ông T lấy tên là Chị Sáu Đ (Tám T) tham gia 01 phần.

Bà Đ bỏ hụi số tiền 1.910.000 đồng và hốt hụi vào mùa thứ 4 (tháng 3/2015), sau khi trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, bà Đ và ông T nhận số tiền 58.850.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà Đ và ông T đóng hụi chết cho anh U được 06 mùa (tháng 6/2015 đến tháng 9/2016).

Thời gian còn lại từ tháng 12/2016 đến khi mãn hụi ngày 30/3/2019 là 09 mùa, bà Đ và ông T không đăng tiền hụi chết. Vậy, số tiền bà Đ và ông T còn thiếu anh U là 09 mùa, mỗi mùa 5.000.000 đồng, tổng cộng 45.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hụi mùa, khai ngày 30/7/2014 (AL), có 17 thành viên tham gia, số tiền 5.000.000đồng/mùa, mỗi năm quy định 04 mùa. Bà Đ và ông T lấy tên là Chị Sáu Đ (Tám T) tham gia 01 phần.

Bà Đ và ông T bỏ hụi số tiền 1.500.000 đồng và hốt hụi vào mùa thứ 4 (tháng 4/2015). Ngày 15/5/2015, anh U mới gom và giao tiền hụi cho bà Đ và ông T, sau khi trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, bà Đ và ông T nhận số tiền là 58.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà Đ và ông T đóng hụi chết cho anh U được 06 mùa (tháng 7/2015 đến tháng 10/2016).

Thời gian còn lại, từ tháng 01/2017 đến khi dây hụi mãn ngày 30/7/2018 là 07 mùa, bà Đ và ông T không đăng tiền hụi chết. Vậy, số tiền bà Đ và ông T còn thiếu anh U tại dây hụi khai ngày 30/7/2014 (AL) là 07 mùa, mỗi mùa 5.000.000 đồng, tổng cộng 35.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: Hụi mùa, khai ngày 10/8/2014 (AL), có 17 thành viên tham gia, số tiền 5.000.000đồng/mùa, mỗi năm quy định 03 mùa. Bà Đ và ông T lấy tên là Chị Sáu Đ (Tám T) tham gia 01 phần.

Bà Đ và ông T hốt hụi vào lần đầu ngày 10/8/2014, bỏ hụi số tiền 1.550.000 đồng, sau khi trừ tiền hoa hồng 2.500.000đồng, bà Đ và ông T nhận số tiền là 52.700.000đồng.

Như vậy, bà Đ và ông T còn phải đóng hụi chết cho anh U là 16 mùa, kể từ mùa thứ 02 (tháng 12/2014) (AL) đến ngày hụi mãn. Nhưng sau khi hốt hụi, bà Đ và ông T đã đóng hụi chết cho anh U được 05 mùa (tháng 12/2014 đến tháng 4/2016) (AL).

Đúng ra dây hụi đã mãn vào tháng 12/2019 (AL), nhưng do các mùa lúa của năm 2017 và 2018 thu hoạch sớm nên các thành viên đã đóng sớm 01 vụ, vì vậy dây hụi này đã mãn vào tháng 8/2019 (AL).

Vậy số tiền bà Đ và ông T còn thiếu tiền hụi chết của anh U là 11 mùa, mỗi mùa 5.000.000đồng, tổng cộng 55.000.000đồng.

- Dây thứ tư: Hụi mùa, khai ngày 05/12/2015, có 16 thành viên tham gia, số tiền 5.000.000đồng/mùa, mỗi năm quy định 03 mùa. Bà Đ và ông T lấy tên là Chị Sáu Đ (Tám T) tham gia 01 phần.

Bà Đ và ông T hốt hụi vào lần thứ 3 (ngày 20/8/2016). Bà Đ và ông T bỏ hụi số tiền 2.000.000đồng, sau khi trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, bà Đ và ông T nhận số tiền 46.500.000đồng. Sau khi hốt hụi, bà Đ và ông T phải đóng hụi chết cho anh U là 13 mùa (tháng 12/2016 đến tháng 12/2017).

Thời gian tính từ tháng 4/2018 đến tháng 8/2019 (AL) là 05 mùa, bà Đ và ông T không đóng tiền hụi chết cho anh U. Vậy, số tiền bà Đ và ông T còn thiếu anh U là 05 mùa, mỗi mùa 5.000.000đồng, tổng cộng 25.000.000đồng. Mỗi lần giao tiền hụi, thì không có làm biên nhận.

Nay, anh U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ và ông T trả cho anh U tiền hụi chết còn thiếu 160.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

**- Bị đơn trình bày:**

**+ Bà Trần Thị Đ trình bày:**

Tôi và ông T còn nợ tiền hụi của anh U như sau:

- Dây thứ nhất: Hụi mùa, khai ngày 30/6/2014, có 19 thành viên tham gia, số tiền 5.000.000đồng/mùa, mỗi năm quy định 04 mùa. Tôi lấy tên là Chị Sáu Đ (Tám T) tham gia 01 phần.

Tôi đóng hụi 03 mùa. Đến mùa thứ 4 ông T chở tôi đến nhà anh U bỏ thăm hụi, tôi bỏ số tiền 1.910.000đồng và trúng hốt hụi vào mùa thứ 4, tức tháng 3/2015, sau khi trừ tiền hoa hồng 2.500.000đồng. Tôi nhận số tiền là 58.850.000đồng. Anh U giao tiền hụi cho hai vợ chồng tại nhà anh U có ông T biết và đếm phụ tiền với tôi, tiền này tôi mang về.

Sau khi hốt hụi, tôi đóng hụi chết cho anh U được 06 mùa, tức từ tháng 6/2015 đến tháng 9/2016. Sau đó tôi cất nhà thiếu nợ, lúa mất mùa, tôi không có tiền đóng hụi chết nữa. Dây hụi này tính đến ngày mãn tôi còn thiếu anh U 09 mùa, mỗi mùa 5.000.000đồng, tổng cộng 45.000.000đồng.

- Dây thứ hai: Hụi mùa, khai ngày 30/7/2014 (AL), có 17 thành viên tham gia, số tiền 5.000.000đồng/mùa, mỗi năm quy định 04 mùa. Tôi lấy tên là Chị Sáu Đ (Tám T) tham gia 01 phần.

Tôi và ông T hót hụi vào mùa thứ 4, tức tháng 4/2015. Sau khi hót hụi xong tôi đăng hụi chết cho anh U được 06 mùa tức từ tháng 7/2015 đến tháng 10/2016. Sau đó, tôi mắc nợ không tiền đóng hụi chết và ngưng đóng từ tháng 01/2017 đến ngày mãn 30/7/2018 là 07 mùa, thiếu anh U số tiền 35.000.000đồng.

- Dây thứ ba: Hụi mùa, khai ngày 10/8/2014 (AL), có 17 thành viên tham gia, số tiền 5.000.000đồng/mùa, mỗi năm quy định 03 mùa. Tôi lấy tên là Chị Sáu Đ (Tám T) tham gia 01 phần.

Do kẹt tiền thiếu nợ làm sân, hàng rào xung quanh nhà, tôi và ông T hót hụi vào lần đầu ngày 10/8/2014, cụ thể bỏ hụi số tiền 1.550.000đồng, hót được 52.700.000đồng.

Đáng ra tôi và ông T phải đóng 16 mùa hụi chết kể từ tháng 12/2014 (AL) đến ngày mãn hụi. Nhưng sau khi hót hụi, tôi và ông T chỉ đăng được 05 mùa, tức là từ tháng 12/2014 đến tháng 4/2016 (AL). Dây hụi mãn vào tháng 8/2019 (AL). Tôi và ông T thiếu anh U là 11 mùa, mỗi mùa 5.000.000đồng, tổng cộng 55.000.000đồng.

- Dây thứ tư: Hụi mùa, khai ngày 05/12/2015, có 16 thành viên tham gia, số tiền 5.000.000đồng/mùa, mỗi năm quy định 03 mùa. Tôi lấy tên là Chị Sáu Đ (Tám T) tham gia 01 phần.

Tôi và ông T hót hụi vào lần thứ 3, tức ngày 20/8/2016. Bỏ thăm hụi số tiền 2.000.000đồng, hót số tiền là 46.500.000đồng. Sau khi hót hụi, tôi và ông T phải đăng hụi chết cho anh U là 13 mùa, kể từ tháng 12/2016 đến khi hụi mãn. Nhưng sau khi đăng được 04 mùa tức đến tháng 12/2017 tôi và ông T không có tiền nên không đăng nữa còn thiếu đến nay.

Từ tháng 4/2018 đến tháng 8/2019 (AL) là 05 mùa, mỗi mùa 5.000.000đồng, tổng cộng 25.000.000đồng.

Tổng cộng, tôi và ông T còn nợ chung tiền hụi chết của anh U là 160.000.000đồng.

Nợ tiền hụi này là nợ chung của tôi và ông T trong thời kỳ hôn nhân. Ông T biết việc tôi tham chơi hụi do anh U làm đầu thảo, nhiều lần ông T cùng tôi đến nhà anh U tại xã Mỹ Đ hót hụi, bỏ hụi, đăng hụi và có lần anh U đến nhà tôi tại xã Mỹ H giao tiền hụi có mặt ông T.

Nay yêu cầu ông T phải có trách nhiệm cùng với tôi trả số tiền nợ hụi cho anh U, mỗi người là 80.000.000đồng.

**+ Ông Mai Ngọc T trình bày:**

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh U. Vì, ông cho rằng ông và bà Đ không tham gia các dây hụi nêu trên do anh U làm đầu thảo.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn U.

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Trần Văn U và bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị Đ có trách nhiệm trả tiền hụi chết cho anh Trần Văn U 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Buộc ông Mai Ngọc T trả tiền hụi chết cho anh Trần Văn U 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

**2. Về án phí, tiền tạm ứng án phí:**

Bà Trần Thị Đ nộp 4.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Mai Ngọc T nộp 4.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn U được nhận lại tiền tạm ứng án phí 4.000.000đ, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001567 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Ngày 19/8/2022 ông Mai Ngọc T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm xử, ông không đồng ý trả cho anh U số tiền 80.000.000 đồng vì ông không có tham gia chơi hụi với anh U.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Mai Ngọc T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Mai Ngọc T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Mai Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2012 đến năm 2017, anh Trần Văn U có thành lập tổ hùn vốn xoay vòng theo mùa, nhưng với hình thức chơi hụi. Việc anh U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Đ, ông Mai Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho anh số tiền hụi chết còn thiếu của 04 dây hụi mùa tổng số tiền là 160.000.000đ, hiện nay bà Đ và ông T đã ly hôn theo quyết định của Tòa án vào ngày 22/11/2019, nên mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho anh 80.000.000đ, anh không yêu cầu tính lãi. Đối với yêu cầu của

anh U, án sơ thẩm xử là có căn cứ. Bởi vì: Bà Đ thừa nhận có chơi các dây hụi do anh U làm đầu thảo và số tiền hụi chết còn lại như anh U yêu cầu là đúng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Đ thừa nhận còn nợ số tiền hụi trên, mục đích chơi hụi là để có tiền xây dựng nhà và lo cho cuộc sống gia đình lúc ông, bà còn sống chung, nhưng hiện nay bà Đ và ông T đã ly hôn nên bà cũng đồng ý trả cho anh U  $\frac{1}{2}$  số tiền hụi chết còn thiếu, còn  $\frac{1}{2}$  là nghĩa vụ trả nợ của ông T và anh U cũng đã cung cấp các giấy tờ tài liệu liên quan đến việc chơi hụi của bà Đ, ông T. Cụ thể: Dây hụi ngày 30/6/2014, chị 6 Đ ở số thứ tự 19; Dây hụi ngày 30/7/2014, chị 6 Đ ở số thứ tự 17; Dây hụi ngày 10/8/2014, chị 6 Đ ở số thứ tự 12; Dây hụi ngày 05/12/2015, chị 6 Đ ở số thứ tự 05.

[2] Theo các lời khai của những người làm chứng (là những hụi viên cùng tham gia chơi chung) đều cho rằng dây hụi họ tham gia trong danh sách có bà Đ và cũng có thấy bà Đ, ông T đi đóng hụi, hốt hụi, nhưng không xác định rõ số tiền hốt là bao nhiêu và đóng hụi chết như thế nào. Điều đó, chứng minh việc bà Đ tham gia chơi hụi, tham gia bỏ hụi, hốt hụi và đóng hụi chết ông T điều biết, vì thời gian này bà Đ và ông T còn sống chung như vợ chồng.

Ông T thừa nhận Sáu Đ là bà Trần Thị Đ là vợ của ông, nhưng đã ly hôn vào năm 2019 và tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2021, ông trình bày nêu có căn cứ chứng minh bà Đ tham gia chơi hụi do anh U làm đầu thảo thì ông đồng ý trả tiền hụi cho anh U cùng với bà Đ. Tại phiên tòa, ông T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn vào cuối năm 2016, trước đó ông và bà Đ đều lo làm ăn để có thu nhập cho gia đình, ông và bà Đ cùng làm ruộng, đi cày mướn cũng nhằm mục đích đem tiền về lo cho cuộc sống gia đình, còn việc chi tiêu trong nhà đều do bà Đ quản lý. Do đó, án sơ thẩm xác định việc trả nợ cho anh U là nghĩa vụ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, còn việc ông T nại ra cho rằng vợ chồng ông không tham gia chơi hụi do anh U làm đầu thảo, nhưng ông cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm xử là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Mai Ngọc T.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 50/2022/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

3. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn U.

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Trần Văn U và bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị Đ có trách nhiệm trả tiền hối chết cho anh Trần Văn U 80.000.000đ.

Buộc ông Mai Ngọc T trả tiền hối chết cho anh Trần Văn U 80.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

4. Về án phí, tiền tạm ứng án phí:

Bà Trần Thị Đ nộp 4.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Mai Ngọc T nộp 4.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn U được nhận lại tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001567 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Án phí phúc thẩm:

Ông Mai Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 000802 ngày 19/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (ông T đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- TAND huyện T;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trần Phước Hội**